

Số: /GPMT-BQL Bình Định, ngày tháng 12 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 70/2022/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 1746/QĐ-UBND ngày 01/6/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế giải quyết một số thủ tục hành chính trên lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi thẩm quyền của UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Du Lịch Trung Hội tại Văn bản số 125/CV-TH ngày 30/12/2024 về việc bổ sung, chỉnh sửa hoàn thiện nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở Khu du lịch Trung Lương và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Du Lịch Trung Hội, địa chỉ trụ sở chính: tại Khu phố Trung Lương, thị trấn Cát Tiến, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Khu du lịch Trung Lương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Khu du lịch Trung Lương.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu kinh tế Nhơn Hội, khu phố Trung Lương, thị trấn Cát Tiến, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 4101118559 đăng ký lần đầu ngày 21/6/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 18/12/2024 do Phòng Đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 0006024510 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định cấp chứng nhận lần đầu ngày 18/9/2014, chứng nhận điều chỉnh lần thứ ba ngày 17/11/2022.

1.4. Mã số thuế: 4101118559

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: kinh doanh dịch vụ và nghỉ dưỡng kết hợp du lịch sinh thái và các loại hình giải trí, thể thao leo núi, dịch vụ đa năng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích: 418.041,4 m².

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Công suất: Kinh doanh dịch vụ và nghỉ dưỡng, villa cao cấp khoảng 8 căn, 85 bungalow, kết hợp du lịch sinh thái và các loại hình giải trí, thể thao leo núi, dịch vụ đa năng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép sử dụng nước thải sau xử lý vào mục đích tưới cây xanh trong khuôn viên cơ sở và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Du Lịch Trung Hội:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Du Lịch Trung Hội có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi các chất ô nhiễm phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án được thu gom, xử lý hoặc quản lý không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn vào bể chứa nước sử dụng cho mục đích tưới cây xanh để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép

môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý Khu kinh tế, UBND thị trấn Cát Tiến nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ban Quản lý Khu kinh tế để được xem xét, giải quyết.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 31 tháng 12 năm 2024 đến ngày 30 tháng 12 năm 2034).

Điều 4. Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở Khu du lịch Trung Lương theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- UBND huyện Phù Cát;
- UBND thị trấn Cát Tiến;
- Công ty TNHH Du lịch Trung Hội;
- Lãnh đạo Ban;
- Các Phòng: QLĐT, QLQHXD, QLDN;
- VP Ban (công khai trên website);
- Lưu: VT, P.QLTNMT.

**KT.TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thanh Nguyên

Phụ lục 01

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ các khu nhà vệ sinh, nước thải nhà bếp, giặt giũ, khu nhà ăn, công trình phụ trợ thuộc Khu A.
- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt từ các khu nhà vệ sinh, nhà lưu trú, công trình phụ trợ, nước thải từ khu nhà hàng thuộc Khu B.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Phạm vi diện tích đất trồng cây xanh trong Khu du lịch Trung Lương.

2.2. Vị trí xả nước thải: Vị trí xả từ bể chứa nước sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải ra khu vực trồng cây xanh: tọa độ X=1.543.194, Y= 606.848 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 108°15', múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 50 m³/ngày

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Sử dụng bơm để hút và xả nước thải.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả gián đoạn theo thời điểm tưới cây xanh trong ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải sau xử lý trước khi tái sử dụng để tưới cây phải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A với K=1 và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08:2023/BTNMT mức B, bảng 2 cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			QCVN 14:2008/BTNMT T (Cột A, K=1)	QCVN 08:2023/BTNMT (Mức B, Bảng 2)		
1	pH	mg/L	5 – 9	6 – 8,5	Không	Không
2	DO	mg/L	-	≥ 5		
3	BOD ₅	mg/L	30	≤ 6		
4	COD	mg/L	-	≤ 15		
5	TSS	mg/L	50	≤ 100		
6	TDS	mg/L	500	-		
7	Sunfua tính theo H ₂ S	mg/L	1,0	-		

8	Amoni tính theo N	mg/L	5	-		
9	NO ₃ ⁻	mg/L	30	-		
10	PO ₄ ³⁻	mg/L	6	-		
11	Tổng Nitơ	mg/L	-	≤ 1,5		
12	Tổng Phosphor	mg/L	-	≤ 0,3		
13	Coliforms	MPN/100 ml	3.000	≤ 5000		
14	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	10	-		
15	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	5	-		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về Trạm xử lý nước thải:

- Nguồn số 1:

+ Nước thải sinh hoạt từ các khu nhà vệ sinh, công trình phụ trợ thuộc Khu A tự chảy theo đường ống uPVC D114mm về Trạm bơm trung chuyển.

+ Nước thải từ khu nhà ăn thuộc khu A được thu gom, xử lý sơ bộ tại bể tách mỡ, sau đó tự chảy theo đường ống uPVC D114mm đầu nối vào đường ống uPVC D114 về Trạm bơm trung chuyển.

+ Nước thải từ Trạm bơm trung chuyển theo đường ống nhựa uPVC D60mm về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

+ Nước thải từ nhà bếp, giặt giũ tại nhà điều hành: dòng nước thải này được dẫn qua song chắn rác về hố thu tách mỡ và từ đây bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý bằng ống uPVC D42mm.

- Nguồn số 2:

+ Nước thải sinh hoạt từ các khu nhà vệ sinh, nhà lưu trú, công trình phụ trợ thuộc khu B tự chảy theo đường ống uD114mm về Trạm bơm trung chuyển, sau đó được bơm theo đường ống uPVC D60mm về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

+ Nước thải từ các khu nhà hàng thuộc khu B tự chảy theo đường ống uPCV D114mm về bể tách mỡ, sau đó tự chảy theo đường ống uPVC D114mm về Trạm bơm trung chuyển, sau đó được bơm theo đường ống uPVC D60mm về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải: Nguồn nước thải đầu vào (02 nguồn) → Giỏ chắn rác → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể sinh học kỵ khí → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng vách nghiêng → Bể khử trùng → Cột lọc thô số 1 → Cột lọc thô số 2 → Cột lọc tinh → Bể chứa nước tưới cây.

- Công suất thiết kế:

+ Hệ thống xử lý nước thải: 50 m³/ngày.đêm.

+ Bể chứa nước tưới cây: dung tích 10 m³, lắp đặt 02 máy bơm để định kỳ bơm nước tưới cây xanh, công suất mỗi máy bơm với lưu lượng 10 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine, men vi sinh (hoặc các chất khác tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại mục A phụ lục này).

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.3.1. Công trình ứng phó sự cố

- Xây dựng 01 bể chứa nước thải (bể phòng ngừa sự cố nước thải) thể tích 30m³ tại khu xử lý nước thải tập trung để phòng trường hợp xảy ra sự cố liên quan đến nước thải.

- Lắp đặt 01 hệ thống thu gom, xử lý mùi hôi phát sinh trong quá trình vận hành Hệ thống xử lý nước thải tập trung tại cơ sở với thông số và quy trình hoạt động như sau:

+ Phần không khí có mùi hôi bên trong các bể của hệ thống xử lý được thu gom bằng đường ống uPVC DN200mm dẫn về hệ thống xử lý mùi, bao gồm 01 tháp hấp phụ (sử dụng than hoạt tính làm vật liệu hấp phụ, có kích thước khoảng cao 2,0m, D1,0m).

+ Hỗn hợp không khí sau xử lý được thải ra môi trường thông qua ống thoát uPVC D90mm.

1.3.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát và bảo trì hệ thống đường ống thu gom, thoát nước thải và các thiết bị của hệ thống xử lý nước thải.

- Bố trí nhân viên theo dõi, giám sát liên tục quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Trang bị các thiết bị dự phòng thay thế để kịp thời xử lý tình huống thiết bị của hệ thống xử lý nước thải bị hư hỏng.

- Trong quá trình vận hành chính thức, trường hợp phát hiện hệ thống xử lý nước thải bị sự cố, nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn sử dụng cho mục đích tưới cây xanh thì thực hiện ngay giải pháp:

+ Ngừng việc bơm nước thải sau xử lý để tưới cây xanh hoặc thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý nước thải trong thời gian khắc phục sự cố.

+ Phân tích, kiểm nghiệm lại chất lượng nguồn nước thải sau xử lý và chỉ được tưới cây xanh khi nguồn nước đảm bảo yêu cầu quy định.

+ Khóa van nước thải từ bể điều hòa về bể sinh học kỵ khí và mở van nước thải từ bể điều hòa qua bể phòng ngừa sự cố nước thải. Tại bể phòng ngừa sự cố bố trí 01 bơm nước thải để sau khi khắc phục xong sự cố sẽ tiến hành bơm nước thải về bể điều hòa để tiếp tục xử lý;

+ Báo cáo Ban Quản lý Khu kinh tế, UBND thị trấn Cát Tiến và các cơ quan liên quan trường hợp sự cố vượt khả năng ứng phó của cơ sở.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng và đảm bảo đánh giá hiệu quả công trình xử lý nước thải theo quy định.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải đã được cấp phép tại phần A Phụ lục này.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Theo vị trí được cấp phép xả nước thải tại Phần A Phụ lục này.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (việc quan trắc chất thải do Công ty tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý chất thải).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

3.2. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi sử dụng vào mục đích tưới cây trong khuôn viên cơ sở.

3.3. Thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ khi triển khai thực hiện việc vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đầy đủ trang thiết bị, hóa chất để vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án (bao gồm cả giai đoạn vận hành thử nghiệm) phải có sổ nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng;...

3.5. Thường xuyên kiểm tra, giám sát quá trình hoạt động của các máy móc, thiết bị và các công trình xử lý nước thải để có biện pháp khắc phục kịp thời, không để xảy ra các sự cố; thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo các chất ô nhiễm và tần suất được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này.

Phụ lục 02**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 12 năm 2024
của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

Tiếng ồn, độ rung từ máy móc thiết bị của hệ thống xử lý nước thải tập trung

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Khu xử lý nước thải tập trung phía Đông dự án: Tọa độ: X=1.543.194, Y=606.851 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°).

3. Tiếng ồn và độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 6 giờ đến 21 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 6 giờ đến 21 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 03**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 12 năm 2024
của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:**

STT	Tên chất thải	Mã số CTNH	Số lượng (kg/năm)
01	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	15
02	Pin, ắc quy thải	16 01 12	20
03	Thiết bị, linh kiện điện tử thải bỏ	16 01 13	5
04	Giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	5
05	Dầu nhớt thải	17 02 03	15
Tổng cộng			60

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát (thực hiện phân định, phân loại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT):

STT	Tên chất thải	Mã số CTNH	Số lượng (kg/năm)
01	Bao bì nhựa cứng thải (Bao bì nhựa dính hóa chất thải, nhớt thải)	18 01 03	40
02	Vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải	18 02 01	10
Tổng cộng			50

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
01	Giấy và bao bì giấy carton, bao bì nhựa thải bỏ	2
02	Chai lọ thủy tinh thải bỏ	1
Tổng cộng		3

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng: Khoảng 100 kg/ngày.

- **Chủng loại:** Chủ yếu là bao bì, vỏ đồ hộp, thức ăn thừa và các loại chất thải rắn khác phát sinh từ quá trình sinh hoạt của du khách và nhân viên làm việc tại dự án.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải phải được quản lý như chất thải nguy hại và chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại và chất thải phải kiểm soát được quản lý như chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng chứa chất thải chuyên dụng có nắp đậy, dung tích 240 lít đảm bảo đủ lưu chứa toàn bộ lượng chất thải phát sinh.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho chứa: 6 m².

- **Thiết kế, cấu tạo kho:** Kho chứa được thiết kế có tường bao xung quanh bằng gạch; nền bằng bê tông chống thấm, đảm bảo kín khí, không bị thấm thấu; cos nền xây dựng cao hơn cos mặt bằng xung quanh, đảm bảo không để nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào kho chứa; có gờ chắn đảm bảo không để xảy ra sự cố chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái che kín nắng, mưa, có cửa khóa, biển cảnh báo theo đúng quy định (kích thước mỗi chiều tối thiểu 30 cm); bên trong dán mã chất thải và bố trí thùng chuyên dụng phân loại lưu chứa chất thải, dung tích thùng 240 lít; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có bố trí vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa);... theo quy định.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng chứa chất thải chuyên dụng có nắp đậy đảm bảo đủ lưu chứa toàn bộ lượng chất thải phát sinh, bố trí tại các khu vực nhà hàng, nhà ăn, đường giao thông,... để thuận lợi cho việc thu gom.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- **Bố trí 02 địa điểm** trong phạm vi cơ sở (01 vị trí tại Khu A, 01 vị trí tại Khu B) để làm nơi tập kết các thùng chứa rác chuyên dụng trong ngày. Định kỳ dùng xe chuyên dụng lấy và tập kết về khu vực lưu chứa tập trung trong nhà.

- **Khu vực lưu chứa tập trung:** có diện tích khoảng 9m².

- **Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà:** Tường bao xung quanh bằng gạch, nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khí, không bị thấm thấu; cos nền cao hơn cos mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa; bên trong bố trí các thùng chứa dung tích 240 lít để phân loại, lưu chứa.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện đầy đủ các công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, sự cố cháy nổ và các sự cố khác liên quan theo quy định pháp luật.

- Trong quá trình hoạt động nếu xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Ban Quản lý Khu kinh

tế và các cơ quan có liên quan để hướng dẫn giải quyết. Trường hợp để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng kinh tế, môi trường, Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm khắc phục, đền bù thiệt hại.

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom, xử lý các loại chất thải (chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải cần phải kiểm soát và chất thải nguy hại) phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường và có biên bản bàn giao chất thải theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Phụ lục 04**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-BQL ngày tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

1. Công khai Giấy phép môi trường của cơ sở trên cổng thông tin điện tử của Công ty hoặc tại trụ sở UBND thị trấn Cát Tiến trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày cấp Giấy phép môi trường.
2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo đúng quy định pháp luật hiện hành.
3. Trồng và duy trì cây xanh trong mặt bằng luôn đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy hoạch được duyệt.
4. Duy trì vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình xử lý, bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của cơ sở; thường xuyên theo dõi, giám sát và cải tạo, nâng cấp, sửa chữa kịp thời khi bị hư hỏng, xuống cấp, không để phát tán chất thải không đạt quy chuẩn cấp phép ra môi trường.
5. Các loại chất thải nguy hại phải được phân loại theo mã chất thải để lưu giữ trong các thiết bị lưu chứa phù hợp. Được sử dụng chung thiết bị lưu chứa đối với các mã chất thải nguy hại có cùng tính chất, không có khả năng gây phản ứng, tương tác lẫn nhau và có khả năng xử lý bằng cùng một phương pháp; thực hiện lưu giữ chúng từ chất thải nguy hại theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.
6. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.
7. Thực hiện nghiêm túc công tác quản lý hoá chất và PCCC; tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động và thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.
8. Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường trong quá trình vận hành. Công ty phải chịu hoàn toàn trách nhiệm khi để xảy ra các sự cố môi trường liên quan đến chất thải tại cơ sở.
9. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo quy định mới.